

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 28-9 -2020

V/v *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Võ Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 552/2020/HNST ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXX - ST ngày 09 tháng 9 năm 2020; quyết định hoãn phiên Tòa ngày 23-9-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân Hợp - sinh năm:1961

Địa chỉ: 36/43 - đường Phạm Ngọc Thạch, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Ngọc Mai - sinh năm 1967

Địa chỉ: 66- Tổ 13 - KP 1 - đường 3/2, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, ông Trần Văn Hợp có những yêu cầu sau:

Ông Trần Xuân Hợp và bà Đỗ Ngọc Mai đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, Đặc Khu Vũng Tàu Côn Đảo vào tháng 7 năm 1988. Cuộc sống hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung ông Hợp, bà Mai có với nhau 02 người con chung là Trần Thu Trang - sinh ngày 24 - 6 - 1990 và Trần Quang Huy - sinh ngày 13-3-2001.

Trong thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ông Hợp, bà Mai hạnh phúc, nhưng đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn ông Hợp cho rằng giữa ông Hợp và bà Mai có cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông Hợp và bà Mai đã sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay.

Nay ông Hợp cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Đỗ Ngọc Mai - sinh năm 1967.

Về con: Ông Hợp, bà Mai có Hai người con chung là Trần Thu Trang - sinh ngày 24 - 6 - 1990 và Trần Quang Huy - sinh ngày 13-3-2001; hai con đã trưởng thành ông Hợp không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hợp tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Ngọc Mai trình bày: Bà Mai xác nhận điều kiện kết hôn và con chung như ông Hợp trình bày là đúng. Mâu thuẫn bà Mai cho biết lý do vợ chồng sống ly thân là ông Hợp có người phụ nữ khác, bà Mai mong muốn ông Hợp quay về xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông Hợp đã bỏ ra ngoài sống từ năm 2013 cho đến nay. Nay ông Hợp làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà Mai không đồng ý lý do còn thương ông Hợp; bà Mai muốn đoàn tụ gia đình.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con có hai con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

[1] Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành và thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa thư ký và hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại điều 51, 63 BLTTDS. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại các điều 239, 243, 248, 249, 250 và điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân Hợp; ông Hợp được ly hôn với bà Mai.

Về con: Ông Hợp, bà Mai có Hai người con chung là Trần Thu Trang - sinh ngày 24-6-1990 và Trần Quang Huy - sinh ngày 13-3-2001; hai con đã trưởng thành ông Hợp, bà Mai không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa ông Trần Xuân Hợp và bà Đỗ Ngọc Mai. Nguyên đơn ông Hợp và bị đơn bà Mai hiện cư trú tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu; Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Đỗ Ngọc Mai đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hay sự kiện bất khả kháng; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định, xét xử vắng mặt bị đơn bà Đỗ Ngọc Mai.

Về nội dung:

[2] Năm 1988, ông Trần Xuân Hợp và bà Đỗ Ngọc Mai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, Đặc Khu Vũng Tàu Côn Đảo(nay là Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Vũng Tàu) và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân giữa ông Hợp, bà Mai là đúng quy định của pháp luật.

Ông Hợp cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm sống bị đơn bà Mai cũng xác nhận. Ông Hợp và bà Mai đã sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Ông Hợp yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng bị đơn bà Mai không đồng ý với lý do còn thương ông Hợp.

Qua việc xác minh mâu thuẫn được biết: Qua xác minh nơi sinh sống, cư trú của nguyên đơn ông Hợp và bị đơn bà Mai được biết: Ông Hợp và bà Mai sống tại số 9/2 A - đường Cao Bá Quát, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu từ năm 2006 đến năm 2017. Thời gian chung sống tại đây ông Hợp, bà Mai xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2013 ông Hợp và bà Mai đã sống ly thân nhau.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Trần Xuân Hợp và bà Đỗ Ngọc Mai là có thật đúng như các đương sự xác nhận và Tòa án thu thập. Do đó cuộc sống hôn nhân của ông Hợp và bà Mai đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện ông Hợp, bà Mai đã sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Bà Mai không đồng ý ly hôn với lý do còn thương ông Hợp là không thuyết phục, do đó không có cơ sở để chấp nhận.

Từ nhận định trên; Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân Hợp; Ông Trần Xuân Hợp được ly hôn với bà Đỗ Ngọc Mai.

Về con chung: Ông Hợp, bà Mai có Hai người con chung là Trần Thu Trang - sinh ngày 24 - 6 - 1990 và Trần Quang Huy - sinh ngày 13- 3-2001; hai con đã trưởng thành ông Hợp, bà Mai không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Án phí HNST: Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí: Ông Trần Xuân Hợp phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002030 ngày 07 tháng 7 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Nguyên đơn ông Trần Xuân Hợp đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ : Điều 56 , Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Về hôn nhân:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân Hợp; ông Trần Xuân Hợp được ly hôn với bà Đỗ Ngọc Mai.

-Về con: Ông Hợp, bà Mai có Hai người con chung là Trần Thu Trang - sinh ngày 24-6-1990 và Trần Quang Huy - sinh ngày 13-3-2001; hai con đã trưởng thành ông Hợp, bà Mai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí HNST: Ông Trần Xuân Hợp phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002030 ngày 07 tháng 7 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; Ông Hợp đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà - Rịa Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

